



ỦY BAN NHÂN DÂN TỈNH NINH BÌNH
TRƯỜNG ĐẠI HỌC HOA LƯ

Tạp chí **KHOA HỌC** **TRƯỜNG ĐẠI HỌC HOA LƯ**

ISSN 2615 - 9538

HOA LU UNIVERSITY
JOURNAL OF SCIENCE

05

T.6
2025



TẠP CHÍ KHOA HỌC SỐ 05, THÁNG 6 NĂM 2025
ISSN 2615 – 9538

HỘI ĐỒNG BIÊN TẬP

CHỦ TỊCH HỘI ĐỒNG BIÊN TẬP

TS. Vũ Văn Trường

TỔNG BIÊN TẬP

TS. Dương Trọng Luyện

PHÓ TỔNG BIÊN TẬP

TS. Tạ Hoàng Minh

THÀNH VIÊN HỘI ĐỒNG BIÊN TẬP

TS. Nguyễn Toàn Thắng	TS. Bùi Văn Mạnh
TS. Nguyễn Mạnh Quỳnh	PGS.TS. Lê Xuân Giang
TS. Lâm Văn Năng	TS. Lê Thị Tâm
TS. Đoàn Sỹ Tuấn	

BAN THƯ KÝ

ThS. Phạm Văn Cường
TS. Phạm Đức Thuận
ThS. Trương Ngọc Dương
ThS. Nguyễn Thị Lệ Thu

TÒA SOẠN

Trường Đại học Hoa Lư
Đường Xuân Thành – Thành phố Ninh Bình
☎ 02293 892 240
📞 0984 148 845
✉ tapchikhoahoc@hluv.edu.vn
🌐 <http://hluv.edu.vn/vi/tckh>

Giấy phép hoạt động báo chí số 07/GP-BTTTT ngày 07/01/2023
In 100 cuốn, khổ 19x27, tại Công ty TNHH TM&DV Hà Phương
Địa chỉ: 1032 Trần Hưng Đạo, phường Phúc Thành, TP. Hoa Lư, tỉnh Ninh Bình
In xong và nộp lưu chiểu tháng 6 năm 2025



LỜI NÓI ĐẦU

Tạp chí khoa học Trường Đại học Hoa Lư là cơ quan ngôn luận chính thức của Trường Đại học Hoa Lư, có mã số chuẩn quốc tế ISSN 2615 - 9538, hoạt động theo Giấy phép số 07/GP-BTTTT ngày 07/01/2023 của Bộ Thông tin và Truyền thông.

Là tạp chí đa ngành, đa lĩnh vực với mục đích phản ánh hoạt động giáo dục đào tạo, công bố các kết quả nghiên cứu về Khoa học tự nhiên, Kỹ thuật và Công nghệ, Nông nghiệp, Khoa học xã hội, nhân văn và giáo dục của các nhà khoa học, cán bộ, giảng viên, người học trong và ngoài trường, tuyên truyền phổ biến các chủ trương đường lối, chính sách của Đảng và Nhà nước về công tác giáo dục và đào tạo, giới thiệu, trao đổi các kết quả nghiên cứu ứng dụng, thành tựu khoa học và công nghệ trong nước và quốc tế.

Hội đồng biên tập Tạp chí khoa học Trường Đại học Hoa Lư đã nhận được sự quan tâm của các tác giả trong và ngoài trường gửi bài về tạp chí. Chúng tôi xin chân thành cảm ơn các tác giả, các nhà khoa học, nhà nghiên cứu đã tích cực tham gia đóng góp cho sự phát triển của Tạp chí và mong muốn tiếp tục nhận được sự hợp tác, ủng hộ và những ý kiến đóng góp quý báu của Quý vị để Tạp chí Khoa học Trường Đại học Hoa Lư có chất lượng ngày càng cao hơn.

Trân trọng giới thiệu đến quý bạn đọc Tạp chí khoa học số 05!

HỘI ĐỒNG BIÊN TẬP



TẠP CHÍ KHOA HỌC TRƯỜNG ĐẠI HỌC HOA LƯ

MỤC LỤC

1	Đồng Thanh Tú - <i>Thảo luận lượng của tính từ trong tiếng Trung và hiện tượng lặp lại của nó</i>	5
2	Vũ Thị Diệu Thúy - <i>Phát triển một số kỹ năng giáo dục trẻ có nhu cầu đặc biệt cho sinh viên ngành Giáo dục mầm non</i>	14
3	Đinh Thị Hoa, Lê Hồng Phượng, Đinh Thành Công - <i>Biện pháp nâng cao hiệu quả hoạt động thể dục thể thao của học sinh trung học phổ thông trên địa bàn tỉnh Ninh Bình</i>	27
4	Lương Thị Tú, Phạm Thị Hồng Tâm, Đàm Thu Vân - <i>Hoạt động bang giao của nhà nước Đại Cồ Việt dưới thời Hoàng đế Lê Hoàn (980 - 1005)</i>	39
5	Phan Tấn Được, Nguyễn Thị Thanh Nhi - <i>Giải pháp phát huy vai trò của tỉnh Vĩnh Long trong liên kết phát triển du lịch vùng đồng bằng sông Cửu Long</i>	47
6	Mai Anh Tuấn - <i>Nhân học văn hóa trong nghiên cứu văn học Việt Nam: Những thành tựu và cơ hội</i>	61
7	Nguyễn Mạnh Quỳnh (dịch) - <i>Chủ nghĩa cấu trúc và phê bình văn học - Gérard Genette</i>	71
8	Nguyễn Thị Huệ - <i>Danh nhân văn hóa Trương Hán Siêu trong đời sống văn hóa dân tộc</i>	85
9	Nguyễn Thị Huệ - <i>Sự đồng điệu giữa tư tưởng của đại tướng Võ Nguyên Giáp và phạm trù "Nhân" trong Nho giáo</i>	94
10	Hoàng Thị Thu Hằng - <i>Di sản Trương Hán Siêu trong phát triển du lịch tại Ninh Bình</i>	102
11	Vũ Thị Loan - <i>Công tác tham mưu xây dựng văn bản quản lý nội bộ tại Trường Đại học Hoa Lư - Thực trạng và giải pháp</i>	110
12	Phan Thị Hồng Duyên, Phạm Văn Cường - <i>Đảm bảo an ninh con người trong bối cảnh biến đổi khí hậu và khuyến nghị giải pháp ở Việt Nam hiện nay</i>	117
13	Nguyễn Tất Thắng - <i>Tối ưu hóa hiệu suất mạng với NIC TEAMING trong WINDOWS SERVER trên môi trường VMWARE</i>	126





DANH NHÂN VĂN HÓA TRƯƠNG HÁN SIÊU
TRONG ĐỜI SỐNG VĂN HÓA DÂN TỘC

Nguyễn Thị Huệ¹

Ngày nhận bài: 26/3/2025

Ngày chấp nhận đăng: 23/6/2025

Tóm tắt: Vị anh hùng Trương Hán Siêu, nhân vật lịch sử kiệt xuất, để lại di sản đồ sộ trên nhiều phương diện: quân sự, chính trường, văn chương và ngoại giao. Mỗi lĩnh vực đều ghi nhận những đóng góp to lớn của ông. Sự ngưỡng mộ và tôn vinh dành cho ông thể hiện qua việc xây dựng đền thờ, đặt tên đường, thành lập quỹ học bổng mang tên ông. Nhiều dòng tộc Trương từ khắp nơi tìm về cội nguồn, thể hiện lòng thành kính sâu sắc. Bài viết khắc họa rõ nét hình ảnh vị anh hùng dân tộc, một tấm gương sáng chói, soi đường chỉ lối cho các thế hệ kế thừa và phát triển truyền thống tốt đẹp, góp phần xây dựng đất nước phồn vinh.

Từ khóa: Danh nhân văn hóa; Trương Hán Siêu; tài năng; nhân vật lỗi lạc.

CULTURAL PERSON TRUONG HAN SIEU IN LIFE NATIONAL CULTURE

Abstract: The article points out the diverse talents of Truong Han Sieu, an outstanding historical figure, who left a deep mark in many fields: military, politics, literature and diplomacy. His achievements in each field are noteworthy. Respect and gratitude for him are shown through many activities: building temples, naming streets, establishing scholarship funds in his name. Many Truong families from many provinces and cities even returned to his hometown to find their roots. Through the article, the image of Truong Han Sieu - an outstanding figure of the nation - becomes clearer. He is a shining example, encouraging future generations to follow, inherit and promote good traditions, contributing to the prosperity of the country.

Keywords: cultural celebrity; Truong Han Sieu; talent; outstanding character.

A. MỞ ĐẦU

Thành phố Ninh Bình, một vùng đất lịch sử hào hùng, lưu giữ và kế thừa một hệ thống di sản văn hoá đồ sộ, là nơi hội tụ những danh lam thắng cảnh và di tích lịch sử vô giá. Những di sản này không chỉ là chứng tích sống động của những thăng trầm lịch sử, mà còn là cội nguồn, là nơi ghi dấu bao lớp người tài năng, những nhân vật kiệt xuất đã góp phần làm rạng danh nước nhà. Ninh Bình, một vùng đất linh thiêng, tự hào là cái nôi ươm dưỡng trí tuệ, sản sinh ra nhiều nhân tài lỗi lạc, đóng góp to lớn vào sự trường tồn và phát triển của dân tộc. Trương Hán Siêu, một nhân vật tiêu biểu của thế kỷ XIII, là minh chứng sống động cho truyền thống văn hiến lâu đời của thành phố Ninh Bình. Ông không chỉ là một nhà văn tài hoa, mà còn là một nhà văn hoá uyên bác, để lại di sản tinh thần sâu đậm trong tâm thức người Việt. Việc nghiên cứu và tôn vinh cuộc đời, sự nghiệp của ông là một nhiệm vụ cần thiết, mang ý nghĩa lịch sử to lớn. Tuy nhiên,

¹ Viện Nghiên cứu Văn hóa, Viện Hàn lâm Khoa học Xã hội Việt Nam. Email: hue.nguyent@gmail.com. ĐT: 0912896303



việc ghi nhận và tôn vinh công lao to lớn của các danh nhân văn hoá, đặc biệt là Trương Hán Siêu, vẫn chưa được thực hiện một cách toàn diện và đầy đủ. Dù vậy, với tinh thần trách nhiệm cao cả đối với di sản văn hoá dân tộc, thành phố Ninh Bình luôn tích cực bảo tồn và phát huy những giá trị truyền thống tốt đẹp, đồng thời kế thừa và phát triển những thành tựu của cha ông, xây dựng quê hương ngày càng giàu mạnh, văn minh. Vì những lý do trên, bài viết giúp hiểu sâu sắc hơn về cuộc đời và sự nghiệp của một nhân vật kiệt xuất. Qua đó, thể hiện lòng biết ơn sâu sắc đối với các bậc tiền nhân, đồng thời khơi dậy niềm tự hào về truyền thống văn hoá về vang của quê hương Ninh Bình.

B. NỘI DUNG

1. Vài nét về quê hương của Danh nhân văn hoá Trương Hán Siêu

Trương Hán Siêu, tự Thăng Phủ, hiệu Đôn Tâu (qua đời năm 1354, năm sinh chưa xác định), người đất Phúc Am, huyện Yên Ninh, lộ Trường Yên (nay thuộc địa phận phường Phúc Thành, thành phố Ninh Bình). Truyền thuyết kể rằng, ông sớm mồ côi cha, lớn lên trong cảnh nghèo khó cùng mẹ. Tuy nhiên, ngay từ thuở niên thiếu, ông đã sớm bộc lộ thiên tư hơn người, trí tuệ minh mẫn, khác biệt hẳn với người thường. Khoảng năm 1285, khi triều đình nhà Trần lui về Trường Yên xây dựng hành cung, chuẩn bị cho cuộc chiến tranh vệ quốc chống quân Nguyên - Mông, một cuộc gặp gỡ định mệnh đã diễn ra giữa ông và Hưng Đạo Đại Vương Trần Quốc Tuấn. Nhận thấy tài năng xuất chúng của chàng trai trẻ, Trần Quốc Tuấn đã trọng dụng, thu nhận ông vào hàng ngũ của mình. Với tài năng và lòng trung quân ái quốc, Trương Hán Siêu được vị tướng quốc trọng dụng, đảm nhiệm trọng trách “thư nhi”, trợ giúp vị anh hùng dân tộc này. Sau chiến thắng về vang của cuộc kháng chiến, năm 1308, ông được vua Trần Anh Tông sắc phong Hàn Lâm Học sĩ. Theo “Ninh Bình toàn tỉnh địa chí khảo biên”, của Nguyễn Tử Mẫn cho biết, Trương Hán Siêu từng đỗ Thái học sinh (tiến sĩ). Tuy nhiên, các văn bia tại Văn Miếu - Quốc Tử Giám và các tư liệu lịch sử khác lại chưa ghi chép về thông tin này. Dẫu vậy, trong bối cảnh văn hiến rục rờ của thời Trần, với sự hiện diện của nhiều danh nho lỗi lạc như: Chu Văn An, Mạc Đĩnh Chi..., việc Trương Hán Siêu được bổ nhiệm chức Hàn Lâm Học sĩ, một chức vụ trọng yếu trong triều đình, chắc chắn phải có bằng chứng sắc phong.

Năm Canh Thìn (1345), ông được bổ nhiệm giữ chức Tả Giám Nghị Đại Phu, và đến năm Nhâm Tuất (1351), ông được thăng lên Tham Tri Chính Sự, một chức vụ ngang hàng với Thượng thư đương thời. Mùa thu năm Quý Hợi (1353), biến cố binh biến Chiêm Thành quấy nhiễu vùng Hóa Châu (nay thuộc tỉnh Thừa Thiên Huế), triều đình giao trọng trách chỉ huy quân đội Thần Sách cho ông nhằm dẹp loạn. Dù tuổi cao sức yếu, tinh thần ông vẫn kiên trung bất khuất. Thực hiện mệnh lệnh của hoàng thượng, ông dẫn quân vào Hóa Châu, chiến đấu dũng cảm. Đến tháng 11 năm Giáp Tý (1354), giặc tan, biên cương được bảo vệ, ông tâu xin cáo bệnh hồi kinh. Trên đường trở về kinh thành, ông đã từ trần. Vua Trần Dụ Tông đã minh chứng lòng tôn kính đối với công lao to lớn của Trương Hán Siêu bằng sắc phong Thái Bảo. Nhờ cơ duyên gặp gỡ Hưng Đạo Đại Vương, nên tài năng, ý chí kiên cường và phẩm chất cao quý đã giúp ông được bốn đời vua nhà Trần trọng dụng, đảm nhiệm những trọng trách hệ trọng trong triều. Sự kính trọng thể hiện qua cách xưng hô “Thầy”, khẳng định niềm tin tưởng và sự quý trọng vô hạn mà các bậc đế vương dành cho ông. Điều này phản ánh rõ nét tài năng xuất chúng, đức độ và uy tín tuyệt đối của Trương Hán Siêu. Sự nghiệp hiển hách của ông gắn liền với công việc chính sự, phò giúp vương triều Trần trong hai cuộc kháng chiến chống Nguyên – Mông lần thứ hai và thứ ba. Bên cạnh đó, ông còn là một bậc văn thần lỗi lạc, để lại một di sản văn chương đồ sộ, bao gồm nhiều thể loại phong phú. Mặc dù hiện nay chỉ còn, di sản văn chương của ông chỉ còn lại một phần nhỏ, nhưng những tác phẩm vẫn đủ chứng minh tài năng, phẩm hạnh trong sáng và đạo đức cao cả của ông.

2. Danh nhân văn hóa Trương Hán Siêu trong đời sống văn hóa dân tộc

2.1. Về văn hóa



Trương Hán Siêu, cùng với Nguyễn Trung Ngạn, đã tham dự việc biên soạn Hoàng triều đại điển năm 1341, một công trình đồ sộ quy định nghi thức, lễ độ cung đình, góp phần củng cố nền nếp triều chính thời Trần. Trong bối cảnh Nho giáo giữ vai trò then chốt trong đời sống chính trị, văn hóa - xã hội đương thời, ông nổi bật với tài năng và phẩm hạnh, trở thành một bậc nho sĩ lỗi lạc. Ban đầu, quan điểm của ông về Phật giáo không mấy thiện cảm. Tuy nhiên, sau quá trình nghiên cứu sâu rộng, ông nhận thức được những giá trị tích cực của Phật giáo, nhất là tinh thần từ bi, bác ái, hướng thiện, giúp độ chúng sinh thoát khỏi những ham muốn trần tục. Sự chuyển biến tư tưởng này thể hiện rõ nét qua sự ủng hộ tích cực của ông dành cho Phật giáo. Việc ông được tin nhiệm giao trọng trách quản lý chùa Quỳnh Lâm, một danh lam cổ tự, minh chứng rõ ràng sự tin tưởng của triều đình và sự thay đổi tích cực trong quan điểm Phật giáo của ông. Ông được xem là người có công lao to lớn trong việc gìn giữ và phát huy tinh hoa văn hóa dân tộc. Tại Ninh Bình, công lao của Trương Hán Siêu trong việc bảo tồn và phát triển di sản văn hóa địa phương rất giá trị và xứng đáng được trân trọng. Ông là người đặt tên uy nghiêm cho Dục Thúy Sơn, danh thắng tuyệt vời tọa lạc giữa sông Đáy và sông Vân Sàng, góp phần tô điểm vẻ đẹp hữu tình cho vùng đất này. Tình cảm sâu nặng của ông dành cho ngọn núi linh thiêng này để lại dấu ấn khó mờ phai. Trên Dục Thúy Sơn, tháp Linh tế thờ Phật, công trình kiến trúc cổ kính được xây dựng năm 1091 dưới thời Lý Nhân Tông, sau nhiều năm xuống cấp, được trùng tu năm 1337 dưới triều Trần Hiến Tông và hoàn thành năm 1342. Đại đức Trí Nhu, vị sư trụ trì, đã cung kính mời Trương Hán Siêu, khi ấy đang giữ chức Tả Giám Nghị Đại Phu, soạn bài ký vào năm 1343 dưới thời Trần Dụ Tông. Bài Dục Thúy sơn Linh tế tháp ký của ông được khắc trên vách đá, trở thành bài ký đầu tiên được lưu giữ trên đá núi. Thông qua bài ký, Trương Hán Siêu thể hiện tinh thần trách nhiệm cao cả trong việc bảo tồn và tôn tạo di sản kiến trúc cổ.

"Dục Thúy sơn Linh Tế tháp ký" biểu lộ đậm nét tư tưởng Phật giáo, thể hiện qua các điển tích như "thoát ly tam đồ" và "tiêu trừ yêu khí". Tuy nhiên, vượt lên trên tầng nghĩa huyền ảo, chúng ta nhận thấy giá trị tinh thần cao thượng: ước vọng tự hoàn thiện và khát khao tịnh hóa tâm linh đã bén rễ sâu xa trong tiềm thức nhân loại từ cổ chí kim, đặc biệt khi ngọn tháp được kiến tạo trên một ngọn núi sở hữu phong cảnh sơn thủy hữu tình. Trong lĩnh vực nghiên cứu văn học cổ, các yếu tố huyền bí đóng vai trò trọng yếu trong việc kiến tạo và biểu đạt nhận thức về thời gian và nhân sinh. Chi tiết "trong giấc mộng đêm khuya, thấy hơn một nghìn người tề tựu trên đỉnh núi, trong số đó có ba bậc quý nhân, dung mạo phi phàm" mang hàm ý thâm sâu. Nó chứng minh rằng Dục Thúy Sơn, nơi an vị của tháp Linh Tế, là chốn tụ hội vượng khí, là mảnh đất thiêng thu hút nhân tài. Tư tưởng địa linh nhân kiệt cũng ẩn chứa trong hình tượng "ba vị quý nhân, tướng mạo dị thường". Dục Thúy Sơn từng là nơi lưu dấu chân và khơi gợi cảm hứng cho vô số bậc minh quân và danh sĩ tài ba. Tuyển tập thi ca khắc trên vách đá là minh chứng không thể chối cãi cho điều này. Như vậy, lời đề tựa của Trương Hán Siêu chính là linh cảm chính xác của một nhà tiên tri.

Thêm vào đó, nhiều bài thơ của ông cũng bộc lộ tình yêu thiên nhiên, cuộc sống và lòng nhân ái sâu sắc.

Bạch Đằng giang phú của Trương Hán Siêu được mở đầu bằng những cuộc chu du của nhân vật khách:

Khách có kẻ:

Giương buồm giông gió chơi vui,

Lướt bể chơi trăng mãi miết.

Sớm gõ thuyền chừ Nguyên, Tương,

Chiều lần thăm chừ Vũ Huyệt.

Cửu Giang, Ngũ Hồ, Tam Ngô, Bách Việt,



Nơi có người đi đâu mà chẳng biết.

Đầm Vân Mộng chứa vài trăm trong dạ cũng nhiều,

Mà tráng chí bốn phương vẫn còn tha thiết.

Không gian nghệ thuật bốn phương trong phần mở đầu bài phú với biển lớn tràn ngập ánh trăng, với sông hồ cùng những vùng đất nổi tiếng: Sông Nguyên, sông Tương, Vũ Huyệt, đầm Vân Mộng, Cửu Giang, Ngũ Hồ, Tam Ngô, Bách Việt... cho ta hình dung về tâm vóc, tư thế và tâm hồn phóng túng, thơ mộng của nhân vật khách. “Học Tử Trường”, khách “tìm thú tiêu giao”, bước chân ấy đã tìm chọn một điểm dừng “đến sông Bạch Đằng”. Cảnh sắc của dòng sông hiện lên thật kì vĩ:

Bát ngát sóng kinh muôn dặm,

Thướt tha đuôi trĩ: Một màu.

Nước trời: một sắc, phong cảnh: Ba thu,

Theo chèo về xuôi, Bạch Đằng của cỗi chiến trường một thuở, với “Bờ lau san sát, bến lách đìu hiu”, như đang hiện dấu tích chiến trường để lại:

Sông chìm giáo gãy, gò đầy xương khô.

Cảnh vật tạo nên ngã rẽ đột ngột của tâm trạng khách:

Buồn vì cảnh thảm, đứng lặng giờ lâu.

Thương nỗi anh hùng đâu vắng tá,

Tiếc thay dấu vết luống còn lưu!

Đó là tư thế sững lại trong động thái trữ tình đầy nhân bản: “Đứng lặng giờ lâu”, cứ thế chìm vào thế giới nội tâm buồn tiếc, ngậm ngùi với những người đã ngã xuống trước cảnh sao dời vật đổi. Từ đây, dòng Bạch Đằng soi rọi quá khứ, sống dậy âm vang trận địa, khơi dậy niềm tự hào của cả một dân tộc.

Những vần thơ còn lại của Trương Hán Siêu bộc lộ cảm xúc hướng nội - hoài niệm quá khứ, một cái “tôi” trữ tình độc đáo: trân trọng con người, yêu mến thiên nhiên, thiết tha cuộc sống, nhớ nhung quê nhà, khát khao hồi hương, nhưng cũng chất chứa nỗi u hoài và trăn trở trước thời thế.

Trương Hán Siêu, một nhân vật lịch sử thời Trần, đã cống hiến trọn đời cho sự nghiệp quốc gia. Trải qua những trọng trách quan trọng, từ Kinh lược sứ Lạng Giang đến trấn thủ Hóa Châu, ông đã bảo vệ vững chắc biên cương phía Nam, thể hiện tinh thần trách nhiệm cao cả và tầm nhìn chiến lược. Hành trình ấy được ghi dấu ấn sâu sắc trong tác phẩm “Bạch Đằng Giang phú”, một áng văn chương bất tử, phản ánh niềm say mê khám phá và tình yêu quê hương đất nước. Ông tự nhận mình là một “khách”, một lữ khách rong ruổi, say mê giao hòa với thiên nhiên, thấu hiểu vẻ đẹp hùng vĩ của giang sơn.

Thời Trần, Phật giáo thịnh hành, được triều đình tôn sùng. Nhiều vị hoàng thân quốc thích, trong đó có cả Thái Tông và Thánh Tông, đã xuất gia, minh chứng cho sự sùng kính Phật pháp của tầng lớp quyền quý. Tuy nhiên, sự hưng thịnh ấy cũng đi kèm với những hiện tượng tiêu cực. Một số cá nhân lợi dụng tôn giáo để vụ lợi, trốn tránh bổn phận công dân. Trương Hán Siêu, với lòng ngay thẳng, đã mạnh mẽ lên án những hành vi này trong các tác phẩm “Văn bia chùa Khai Nghiêm” và “Dục Thúy sơn Linh tế tháp ký”. Theo “Lịch sử Việt Nam” tập 1, cuối thời Trần, mâu thuẫn giữa Nho giáo và Phật giáo bắt đầu xuất hiện. Tuy nhiên, sự phê phán của các danh nho như Lê Văn Hưu, Lê Quát và Trương Hán Siêu chỉ nhắm vào những kẻ lợi dụng Phật giáo, không hề nhắm vào giáo lý Phật giáo.



2.3 Với văn học

Trương Hán Siêu đã để lại di sản văn chương đồ sộ và đóng góp to lớn vào lịch sử văn học dân tộc. Sau khi qua đời, ông được vua Trần Dụ Tông truy tặng chức Thái Bảo, và vua Trần Nghệ Tông lại ban thêm chức Thái Phó, khẳng định sự trọng vọng và ghi nhận tài năng, đức độ của ông. Năm 1372, ông được phối thờ tại Văn Miếu, sánh vai cùng các danh nhân văn học kiệt xuất như Chu Văn An, minh chứng cho vị thế của một bậc đại nho lỗi lạc trong lịch sử văn học Việt Nam.

Sử thần Ngô Sĩ Liên đã tôn vinh ông như một bậc văn thần xuất chúng, người trọn lòng trung thành với quốc gia, yêu mến nhân dân, và là trụ cột vững chắc của triều đình. Với vai trò là Học sĩ Hàn lâm, ông gánh vác trọng trách biên soạn các chiếu chỉ, sắc dụ, văn thư ngoại giao, góp phần vào việc củng cố mối quan hệ quốc tế, nâng cao vị thế của Đại Việt. Việc ông đảm nhiệm biên soạn bộ Hình thư đã chứng minh tầm quan trọng của pháp luật trong việc điều hành đất nước. Sự tham gia của ông cùng với Nguyễn Trung Ngạn trong việc biên soạn Hoàng triều đại điển đã góp phần hoàn thiện các nghi thức, điển chế của triều đình, phản ánh sự thịnh vượng và văn minh của thời đại Lý - Trần. Ông không chỉ đơn thuần thưởng ngoạn, mà còn mang trong mình khát vọng khám phá, thấu hiểu những tri thức lịch sử - xã hội ẩn chứa trong tự nhiên. Không giống như nhiều văn nhân chỉ tập trung vào việc ca ngợi vẻ đẹp của thiên nhiên, Trương Hán Siêu thể hiện một khát vọng mạnh mẽ hơn: đó là tìm hiểu, chiếm lĩnh những tri thức sâu sắc ẩn chứa trong cảnh vật. Như một người lữ khách không ngừng tìm kiếm, ông đã dành cả cuộc đời để khám phá những danh lam thắng cảnh, tìm kiếm ý nghĩa của cuộc sống trong hành trình đó, điều này được thể hiện rõ nét trong tác phẩm "Bạch Đằng Giang phú". Có thể cho rằng những địa điểm được nhắc đến trong tác phẩm chỉ là những hình ảnh văn chương mà ông tiếp nhận qua sách vở, chứ chưa hẳn là những trải nghiệm thực tế. Tuy nhiên, chính điều này càng làm nổi bật ý nghĩa sâu xa của thiên nhiên trong tâm tưởng của nhà thơ. Thiên nhiên, trong trường hợp này, trở thành nơi hội tụ những tinh hoa văn hoá của nhân loại, đồng thời là minh chứng cho lịch sử, soi chiếu quá khứ hào hùng của dân tộc. Tựa như một khúc ca tiếp nối hào khí của bài phú sông Bạch Đằng, tâm nguyện của tác giả trào dâng. Nhà thơ luôn trăn trở, nguyện dấn thân, rong ruổi khắp mọi miền, trau dồi tri thức và cảm xúc, để rồi mới đặt bút viết nên những áng văn chương. Hành trình ấy được phác họa một cách sống động: "Giữa dòng, chèo nhẹ, theo bước Tử Trường, hưởng thú tiêu dao". Vượt qua cửa Đại Than, ngược dòng Đông Triều, đến với Bạch Đằng, thả hồn theo dòng chảy. Khác với những địa danh trước đó mang vẻ đẹp huyền ảo, Bạch Đằng hiện lên một cách sống động và hữu hình. Với tâm thế của một người khách lữ, nhà thơ trầm ngâm chiêm nghiệm trước vẻ u buồn man mác của cảnh vật: "Cảnh thâm sâu, lặng đứng hồi lâu". Lời kể của những người dân địa phương, những bậc bô lão, như một lời giải đáp, soi tỏ ý nghĩa lịch sử của nơi này. Những câu hỏi từ bô lão: "Ngài tìm kiếm điều gì nơi đây?". Hình ảnh những bô lão chống gậy trúc, chèo thuyền nhẹ nhàng, cung kính kể lại: "Đây là chiến địa, hai vị thánh Trưng Hưng đại phá Ô Mã, Ngô vương phá quân Hoàng Thao". Bạch Đằng không chỉ là một bức tranh trữ tình, mà còn là hiện thân của vẻ đẹp hào hùng, ghi dấu hai chiến thắng oanh liệt, minh chứng cho lịch sử hào hùng chống ngoại xâm của dân tộc. Tác phẩm thể hiện tài năng của tác giả trong việc tập trung, làm nổi bật vẻ đẹp đa chiều, nhiều tầng lớp của một địa điểm đặc biệt trong tâm thức của người Việt. Điều này tạo nên sự đối lập, khẳng định giá trị riêng biệt so với những cảnh sắc hư ảo đã từng được miêu tả trước đó. Trương Hán Siêu đã nâng tầm Bạch Đằng lên thành một huyền thoại sống động, sánh ngang với những danh thắng lừng lẫy trong văn chương, như Nguyên, Tương, Ngũ Hồ, Tam Ngô, Bách Việt hay Vân Mộng. Sự huyền thoại hóa Bạch Đằng đạt đến đỉnh cao nghệ thuật, nhưng tầm nhìn của ông không chỉ dừng lại ở vẻ đẹp bên ngoài của thiên nhiên. Nhà văn nhận thức sâu sắc vẻ đẹp hài hòa giữa hình thức và nội dung, bổ sung và làm trọn vẹn cho nhau. Vẻ đẹp bên ngoài chỉ gợi lên những cảm xúc ban đầu, khơi dậy sự tò mò, đặt ra những câu hỏi trước vẻ hoang sơ của cảnh vật. Nhưng vẻ đẹp bên trong mới thực sự là sức sống mãnh liệt xuyên suốt dòng chảy thời gian, mang đậm dấu



ấn của lao động và sáng tạo của con người. Vẻ đẹp này không dễ dàng nhận ra, thậm chí có thể bị che khuất bởi sự biến đổi của lịch sử, song nó vẫn trường tồn và sống động trong tâm tưởng của người thưởng lãm, làm cho thiên nhiên không còn đơn thuần chỉ là sự vật tự nhiên. Trong tác phẩm "Dục Thúy Sơn Linh Tế Thập Ký", Trương Hán Siêu đã vượt qua những giới hạn của tầm nhìn thông thường, nhận thức được sự giao thoa hài hòa giữa công trình nhân tạo và thiên nhiên, sự kết hợp giữa hữu hạn và vô hạn, giữa khoảnh khắc và vĩnh cửu. Ông miêu tả quá trình kiến tạo tháp, từ những viên đá nhỏ bé đến công trình đồ sộ, sánh ngang với trời đất, làm tôn thêm vẻ đẹp của non sông. Đó là sự cộng hưởng kỳ diệu giữa bàn tay con người và tạo hóa, vượt xa tầm hiểu biết của những người tầm thường. Tác giả khẳng định sức mạnh trường tồn của tinh thần con người trước sự biến thiên của thời gian, tin tưởng rằng dù thời gian trôi chảy, cảnh vật đổi thay, vẫn luôn có những người kế thừa và phát huy những công trình vĩ đại ấy. Ông thể hiện niềm tin bất diệt vào sức sáng tạo và ý chí kiên cường của nhân loại trước sự tàn phá của thời gian. Tầm nhìn của Trương Hán Siêu không chỉ là một triết lý sâu sắc mà còn là sự thể hiện của một tâm hồn nghệ sĩ nhạy cảm. Sử thần Ngô Sĩ Liên ca ngợi ông là bậc văn thần lỗi lạc, hết lòng vì nước, thương dân và là rường cột quốc gia. Với vai trò Hàn lâm Học sĩ, ông soạn thảo chiếu chỉ, văn thư ngoại giao, góp phần củng cố bang giao, nâng cao vị thế Đại Việt. Việc biên soạn Hình thư thể hiện tầm quan trọng của luật pháp trong quản lý đất nước. Cùng Nguyễn Trung Ngạn soạn Hoàng triều đại điển, ông góp phần hoàn thiện điển chế triều đình, phản ánh sự thịnh trị thời Lý - Trần. Không chỉ thường ngoạn, ông khao khát khám phá tri thức lịch sử - xã hội tiềm ẩn trong tự nhiên. Thay vì chỉ ca ngợi vẻ đẹp thiên nhiên, Trương Hán Siêu thể hiện khát vọng tìm hiểu, lĩnh hội tri thức sâu sắc ẩn chứa trong cảnh vật. Như lữ khách không ngừng tìm kiếm, ông dành trọn đời khám phá danh lam thắng cảnh, tìm ý nghĩa cuộc sống, thể hiện rõ trong "Bạch Đằng Giang phú". Có thể địa điểm trong tác phẩm chỉ là hình ảnh văn chương tiếp nhận qua sách vở, chưa hẳn trải nghiệm thực tế. Nhưng điều đó càng làm nổi bật ý nghĩa sâu xa của thiên nhiên trong tâm tưởng nhà thơ. Thiên nhiên trở thành nơi hội tụ tinh hoa văn hoá nhân loại, minh chứng lịch sử, soi chiếu quá khứ dân tộc. Như khúc ca tiếp nối hào khí bài phú sông Bạch Đằng, tâm nguyện tác giả trào dâng. Nhà thơ luôn trăn trở, nguyện dâng thân, rong ruổi mọi miền, trau dồi tri thức, cảm xúc để sáng tác văn chương. Hành trình được phác họa sống động: "Giữa dòng, chèo nhẹ, theo bước Tử Trường, hưởng thú tiêu dao". Vượt cửa Đại Than, ngược dòng Đông Triều, đến Bạch Đằng, hòa mình vào dòng chảy. Khác với địa danh trước đó mang vẻ đẹp huyền ảo, Bạch Đằng hiện lên sống động, hữu hình. Với tâm thế lữ khách, nhà thơ trầm ngâm chiêm nghiệm trước vẻ u buồn cảnh vật: "Cảnh thâm sâu, lặng đứng hồi lâu". Lời kẻ dân địa phương, bô lão, như lời giải đáp, soi tỏ ý nghĩa lịch sử. Những câu hỏi từ bô lão: "Ngài tìm kiếm điều gì nơi đây?". Hình ảnh bô lão chống gậy trúc, chèo thuyền, cung kính kể lại: "Đây là chiến địa, hai vị thánh Trùng Hưng đại phá Ô Mã, Ngô vương phá quân Hoằng Thao". Bạch Đằng không chỉ là tranh trử tình, mà còn là hiện thân vẻ đẹp hào hùng, ghi dấu chiến thắng, minh chứng lịch sử chống ngoại xâm. Tác phẩm thể hiện tài năng tập trung, làm nổi bật vẻ đẹp đa chiều, nhiều tầng lớp của địa điểm đặc biệt trong tâm thức người Việt. Tạo sự đối lập, khẳng định giá trị riêng biệt so với cảnh sắc hư ảo đã miêu tả. Trương Hán Siêu nâng tầm Bạch Đằng thành huyền thoại sống động, sánh ngang danh thắng lừng lẫy trong văn chương. Huyền thoại hóa Bạch Đằng đạt đỉnh cao nghệ thuật, nhưng tầm nhìn không dừng lại ở vẻ đẹp bên ngoài. Nhà văn nhận thức sâu sắc vẻ đẹp hài hòa giữa hình thức và nội dung, bổ sung cho nhau. Vẻ đẹp bên ngoài gợi cảm xúc ban đầu, khơi gợi tò mò, đặt câu hỏi trước vẻ hoang sơ. Nhưng vẻ đẹp bên trong mới thực sự là sức sống xuyên suốt thời gian, đậm dấu ấn lao động, sáng tạo con người. Vẻ đẹp này không dễ nhận ra, thậm chí bị che khuất bởi lịch sử, song vẫn trường tồn, sống động trong tâm tưởng người thưởng lãm, làm cho thiên nhiên không còn đơn thuần là sự vật. Trong "Dục Thúy Sơn Linh Tế Thập Ký", Trương Hán Siêu vượt qua giới hạn tầm nhìn thông thường, nhận thức sự giao thoa hài hòa giữa nhân tạo và thiên nhiên, hữu hạn và vô hạn, khoảnh khắc và vĩnh cửu. Ông miêu tả quá trình kiến tạo tháp, từ viên đá nhỏ bé đến công trình đồ sộ, sánh ngang trời đất, làm tôn thêm vẻ đẹp non sông. Đó là sự cộng hưởng giữa con người và tạo hóa,



vượt xa tầm hiểu biết của người thường. Tác giả khẳng định sức mạnh tinh thần con người trước thời gian, tin rằng dù thời gian trôi chảy, cảnh vật đổi thay, vẫn có người kế thừa và phát huy công trình vĩ đại. Ông thể hiện niềm tin vào sáng tạo và ý chí kiên cường của nhân loại trước sự tàn phá của thời gian. Tầm nhìn Trương Hán Siêu không chỉ là triết lý sâu sắc mà còn là thể hiện của tâm hồn nghệ sĩ nhạy cảm. Dù số lượng tác phẩm không đồ sộ, di sản văn chương của Trương Hán Siêu vẫn tỏa sáng rực rỡ trong nền văn học Việt Nam. Để hiểu thấu giá trị đích thực, cần đặt ông trong bối cảnh văn học Lý – Trần, một thời kỳ thăng trầm lịch sử. Sự lưu truyền đến hôm nay của những tác phẩm ấy sau hơn bảy thế kỷ biến cố chính là minh chứng hùng hồn nhất về tầm vóc và ảnh hưởng sâu rộng của ông. Với hai bài văn khắc đá, một bài phú, bốn bài thơ và một bài thơ độc lập, sự nghiệp văn chương của Trương Hán Siêu không thể xem thường. Mặc dù số lượng tác phẩm không nhiều, tài năng uyên bác đã giúp ông khẳng định vị trí, tầm vóc quan trọng trong nền văn học thời Trần nói riêng và văn học Việt Nam nói chung. Những tác phẩm nổi tiếng cùng những giá trị tinh túy ẩn chứa sẽ trường tồn cùng thời gian. Ngô Sĩ Liên, trong tác phẩm Đại Việt sử ký toàn thư, đã nhận định ngắn gọn nhưng đầy đủ ý nghĩa: “ông quan văn học vượt hẳn mọi người”, khẳng định tầm vóc xuất chúng của Trương Hán Siêu. Nhà nghiên cứu Nguyễn Tử Mẫn, trong Ninh Bình toàn tỉnh địa chí khảo biên, ví ông là “Phúc Thành (Ý chỉ cụ Trương Hán Siêu) là núi cao, sao sáng của làng nho”, nhấn mạnh vị thế độc tôn trong làng văn. Nhà nghiên cứu Nguyễn Huệ Chi nhận định về nghệ thuật ngôn từ của ông: “Nghệ thuật ngôn ngữ của Trương Hán Siêu tinh tế, lắng đọng man mác trong thơ, gân guốc, chắc chắn trong phú, uyển chuyển, mềm mại trong ký; nhưng ở cả ba thể loại đó đều có chung một đặc điểm: sự vận dụng hình ảnh đậm nét, song không bao giờ rơi vào thái quá”.

3. Trương Hán Siêu trong đời sống hiện nay

Trong thời đại kinh tế tri thức, sự phát triển không ngừng nghỉ của vật chất đã gây nên những chuyển biến mạnh mẽ trong cuộc sống nhân sinh. Sự giàu có của cải vật chất đã kích thích một xu thế trở về nguồn cội, để đáp ứng nhu cầu tâm linh sâu lắng. Trương Hán Siêu, một nhân vật văn học nổi bật, đã thu hút được sự chú ý đặc biệt từ giới nghiên cứu Việt Nam. Qua các bài viết, công trình nghiên cứu, hình tượng Trương Hán Siêu nổi lên như một tướng lĩnh tài giỏi trong lĩnh vực quân sự, thi sĩ kiệt xuất dưới vương triều Trần, có đóng góp quan trọng trên nhiều lĩnh vực như: chính trị, văn hoá, pháp chế, du lịch và đối ngoại. Tuy nhiên, việc nghiên cứu về Trương Hán Siêu cũng vấp nhiều khó khăn vì lượng tài liệu có hạn. Những tư liệu quen thuộc trong Đại Việt sử ký toàn thư, Lịch triều hiến chương loại chí, Việt âm thi tập, Toàn Việt ngữ thi tập, Quần hiền phú lục, Hoàng Việt thi ca vịnh, Đại Nam nhất thống chí, cộng với tập Thơ văn Lý - Trần án hành khoảng ba thập niên gần nhất, cũng là nguồn tham khảo chính yếu.

Trương Hán Siêu là thuộc hạ của Trần Quốc Tuấn (1232-1300), phục vụ ông nhiều năm trong cương vị tể tướng. Sau đó, được Trần Quốc Tuấn đưa lên thay và được tin dùng, từng trải qua nhiều vị trí quan lại, trấn thủ ở vùng đất Lạng Giang, Hóa Châu, và từng đảm nhận những chức vụ có tính chất tôn giáo. Tuy nhiên, tiểu sử của ông còn quá nhiều chỗ trống, nhiều câu hỏi không được trả lời, và đến giờ vẫn đang tồn tại nhiều tranh cãi. Chẳng hạn, ngày sinh, ngày qua đời của ông cũng không được giải đáp rõ ràng. Việc ông có trở lại sống ở Trường Yên hay không, thời gian trở lại là khi nào, đều là những thắc mắc chưa thể có câu trả lời xác đáng. Câu hỏi về tác phẩm “Quá Tống đô” của Trương Hán Siêu và dòng dõi hiện hữu của ông vẫn là những vấn đề chưa được giải đáp thỏa đáng. Những bí ẩn này đòi hỏi sự nghiên cứu sâu rộng và tỉ mỉ hơn nữa. Một công trình nghiên cứu thực tế quan trọng đã được thực hiện tại thôn Phúc Am, xã Ninh Thành, nay thuộc thành phố Ninh Bình, quê hương của ông, do trường Trung học Lương Văn Tụy chủ trì. Kết quả khảo sát đã phát hiện bản thân tích tại đền thờ ông, dù ngôi đền đã bị hư hại nặng nề cách đây khoảng nửa thế kỷ. Thật may mắn, bản thân tích quý giá này vẫn được lưu giữ và bảo tồn bởi cộng đồng địa phương. Bản thân tích ghi chép rõ ràng: “Trần triều Thái bảo Thái phó Trương Thăng Phủ gia phong Trác vĩ thượng đẳng thần”, đồng thời xác định ngày “chính kỵ” của Trương Hán Siêu là ngày 15 tháng 9 âm lịch. Thuật ngữ “chính kỵ” trong



văn tự Hán Nôm chỉ ngày giỗ chính thức, trái ngược với thông lệ "xuân thu nhị kỳ" hay "nhất kỳ". Tuy nhiên, khi so sánh với tư liệu ghi chép trong "Đại Việt sử ký toàn thư", một sự khác biệt đáng chú ý đã xuất hiện. Sách sử ghi nhận ông mất vào tháng 11 năm Giáp Ngọ (1354), sớm hơn khoảng một tháng rưỡi so với ngày giỗ ghi trong thần tích. "Đại Nam nhất thống chí" lại cho biết: "Đền Trương Hán Siêu được khởi tạo năm Minh Mệnh thứ 15 (1833) do Án sát Nguyễn Bá Thán đề xướng". Sự mâu thuẫn giữa các nguồn tư liệu dấy lên nghi vấn về độ tin cậy của thần tích so với bộ sử quốc gia đã có lịch sử lâu đời hơn. Tuy nhiên, cần phải xem xét toàn diện vấn đề. Theo lời kể của các bậc cao niên tại Phúc Am, trước khi đền thờ được xây dựng, đã có miếu thờ Trương Hán Siêu từ lâu đời. Sự tồn tại của miếu thờ cho thấy thần phả đã có từ trước, và ngày 15 tháng 9 âm lịch được ghi nhận trong thần tích, do Nguyễn Bá Thán ghi chép lại, rất có thể là ngày mất thực sự của ông, được truyền lại qua nhiều thế hệ. Thông tin này hoàn toàn có thể được xem xét bổ sung, điều chỉnh vào chính sử, bởi chính sử cũng không hoàn toàn tránh khỏi những thiếu sót và cần được cập nhật liên tục. Sự kính trọng và tưởng niệm dành cho Trương Hán Siêu trong xã hội đương đại thể hiện rõ nét qua nhiều hình thức, khẳng định vị thế vững chắc của ông trong lòng dân tộc. Các công trình tưởng niệm ông trải rộng khắp đất nước minh chứng cho sự ghi nhận công lao to lớn của vị danh nhân kiệt xuất này. Di tích lịch sử tại thôn Cao Đà, xã Nhân Mỹ, huyện Lý Nhân, tỉnh Hà Nam, cụ thể là ngôi đền thờ, minh chứng sống động về sự tôn kính dành cho ông. Không chỉ riêng ngôi đền, đình làng Cao Đà cũng tôn vinh ông là Thành Hoàng, thể hiện lòng biết ơn sâu sắc và sự ngưỡng mộ vô hạn của người dân địa phương đối với những đóng góp to lớn của ông. Những công trình này không đơn thuần là di tích lịch sử, mà còn là biểu tượng thiêng liêng, khẳng định giá trị tinh thần và niềm tự hào dân tộc. Tương tự, tại thôn Từ Xá, xã Đoàn Kết, huyện Thanh Miện, tỉnh Hải Dương, một ngôi đền khác được xây dựng để tưởng nhớ công đức của Trương Hán Siêu. Truyền thuyết kể rằng, ông từng dừng chân tại đây, truyền dạy cho dân làng nghề chài lưới, mang lại cuộc sống ấm no, thịnh vượng. Vì vậy, để ghi nhớ công ơn ấy, người dân đã lập đền thờ ông sau khi ông qua đời, thể hiện lòng biết ơn sâu sắc và sự kính trọng vô cùng. Tại quê hương Ninh Bình, một ngôi đền thờ khác cũng được xây dựng, một minh chứng hùng hồn cho lòng ngưỡng mộ và sự thành kính của người dân đối với vị danh nhân lỗi lạc này.

Tên tuổi Trương Hán Siêu còn được lưu danh trên nhiều tuyến phố tại các đô thị lớn như Hà Nội, Thành phố Hồ Chí Minh, Đà Nẵng, Ninh Bình, Hải Dương, Huế, Nha Trang, Hải Phòng, Hòa Bình... Điều này khẳng định vị trí vững chắc và sự tôn vinh to lớn của ông trong lòng người dân Việt Nam. Tại Ninh Bình, giải thưởng mang tên ông được trao tặng thường niên trong lĩnh vực văn học nghệ thuật, nhằm tôn vinh những tài năng. Hàng năm, tại khu di tích đền thờ, lễ trao học bổng cũng được tổ chức, dành cho các học sinh ưu tú của tỉnh. Tóm lại, những bằng chứng cụ thể đã được trình bày minh chứng rõ ràng cho vị thế ngày càng được củng cố và lan rộng của Trương Hán Siêu trong đời sống văn hóa Việt Nam. Điều này phản ánh sự trân trọng và lòng tự hào sâu sắc của các thế hệ con cháu đối với những đóng góp to lớn của các bậc tiền nhân, những người đã có công dựng nước và giữ nước.

KẾT LUẬN

Khảo cứu về các danh nhân văn hóa là hành trình tìm hiểu tinh hoa văn hóa và chuẩn mực đạo đức xã hội của thời đại họ sống. Đồng thời, đó cũng là việc làm thể hiện lòng biết ơn sâu sắc, kế thừa truyền thống "uống nước nhớ nguồn" của dân tộc ta. Trương Hán Siêu, một nhân vật lịch sử kiệt xuất, tiêu biểu cho lòng yêu nước thiết tha, đức độ cương trực, tài năng uyên bác và hành động kiên quyết, trọn đời tận tụy vì quốc gia, dân tộc. Sự nghiệp hiển hách và phẩm chất cao quý của ông đã chinh phục nhân tâm, được người dân kính trọng, triều đình trọng dụng, đặc biệt là sự tin nhiệm và tôn kính sâu sắc của các bậc đế vương nhà Trần, đến nỗi xưng hô với ông bằng "thầy" một cách đầy trang trọng.



Ông là một bậc đại nho chân chính, tư tưởng tiến bộ, đa tài, có công lao to lớn trong nhiều lĩnh vực: chính trị, quân sự, pháp luật, văn hóa, lịch sử, ngoại giao, tôn giáo và đặc biệt là văn chương với tác phẩm bất hủ “Bạch Đằng Giang Phú”. Trương Hán Siêu trở thành tấm gương sáng ngời cho hậu thế noi theo: tinh thần ham học, tận tâm với sự nghiệp học hành, dốc toàn bộ tri thức và sức lực phụng sự đất nước, đặt lợi ích quốc gia lên trên hết, không màng danh lợi cá nhân. Tình cảm yêu nước, thương dân sâu nặng của ông đã in dấu ấn tốt đẹp trong lòng dân, được mọi người kính trọng và ngưỡng mộ. Sau khi ông từ trần, nhân dân đã lập đền thờ tưởng niệm, tôn ông như vị thánh, thần, thành hoàng làng tại nhiều nơi như Quý Du (Cao Đà), Từ Xá (Hải Dương). Đền thờ Trương Hán Siêu tại Ninh Bình, sau khi được trùng tu, đã trở thành địa điểm tâm linh, thu hút đông đảo du khách thập phương đến dâng hương cầu tự mỗi độ xuân về. Bên cạnh đó, tác phẩm “Bạch Đằng Giang Phú” vẫn được lưu truyền rộng rãi, được đưa vào chương trình giảng dạy Ngữ văn phổ thông, góp phần giáo dục thế hệ trẻ về tinh thần yêu nước, khí phách anh hùng của dân tộc. Di sản lịch sử của Trương Hán Siêu, dù trải qua bao thăng trầm của lịch sử, vẫn giữ nguyên giá trị to lớn. Di sản văn chương của ông, lưu giữ tại núi Dục Thúy, Ninh Bình, là minh chứng cho sự trường tồn ấy. Người dân Ninh Bình luôn tự hào về nguồn cội, trân trọng những đóng góp xuất sắc của Trương Hán Siêu, vị anh hùng đã làm rạng danh quê hương, đặc biệt là núi Dục Thúy. Tên tuổi ông đã hòa quyện vào lịch sử Ninh Bình, ghi dấu ấn sâu đậm trong tâm thức người dân Việt Nam. Hào khí của ông sẽ trường tồn cùng non sông đất nước, cùng với thời gian.

TÀI LIỆU THAM KHẢO

- [1] Lê Đăng Bật, “Người có tầm nhìn du lịch sớm nhất Việt Nam”, *Báo Nhân dân*, số (13), tháng 5 năm 1998.
- [2] Lê Đăng Bật, “Trương Hán Siêu - Người có tầm nhìn văn hóa đáng khâm phục”, *Tạp chí toàn cảnh*, số 101, tháng 12 năm 1998.
- [3] Ban thường vụ Thị ủy Ninh Bình biên soạn (2000), *Lịch sử Đảng bộ thị xã Ninh Bình*, Nhà xuất bản Văn hóa – Thông tin.
- [4] Nguyễn Huệ Chi (1994), “Nhà văn Trương Hán Siêu từ góc nhìn văn hóa”, *Tạp chí Văn học*, số 4.
- [5] Nguyễn Huệ Chi (1988), Văn thơ Lý – Trần, (tập II), *Quyển thượng*, Nhà xuất bản Khoa học xã hội, Hà Nội.
- [6] Nguyễn Đình Chú (1993), Văn học lớp 10, (tập II), Nhà xuất bản Giáo dục Hà Nội.
- [7] Phan Huy Chú (2005), Lịch triều hiến chương loại chí, (tập I), Nhà xuất bản Khoa học xã hội, Hà Nội.
- [8] Phạm Trọng Điềm dịch (2006), Đại Nam Nhất Thống chí, Nhà xuất bản Thuận Hóa
- [9] Trần Văn Giáp (1971), Lược truyện các tác gia Việt Nam, (tập I), in lần thứ hai, Nhà xuất bản Khoa học xã hội, Hà Nội.
- [10] Trần Văn Giáp (1984), Từ điển văn học, (tập II), Nhà xuất bản Khoa học xã hội, Hà Nội.
- [11] Ngô Sĩ Liên (1985), Đại Việt sử ký toàn thư, (tập II), Nhà xuất bản Khoa học xã hội, Hà Nội.
- [12] Nguyễn Tử Mẫn (2001), Ninh Bình toàn tỉnh địa chí khảo biên, Nhà xuất bản Chính trị quốc gia, Hà Nội.





SỰ ĐỒNG ĐIỀU GIỮA TƯ TƯỞNG CỦA ĐẠI TƯỚNG VÕ NGUYỄN GIÁP VÀ PHẠM TRÙ "NHÂN" TRONG NHO GIÁO

Nguyễn Thị Huệ¹

Ngày nhận bài: 07/5/2025

Ngày chấp nhận đăng: 23/6/2025

Tóm tắt: Vùng đất miền Trung khắc nghiệt, nơi Đại tướng Võ Nguyên Giáp cất tiếng khóc chào đời, đã vun đắp nên ý chí kiên cường và phẩm cách cao đẹp của một nhà quân sự lỗi lạc. Toàn dân tộc, chiến sĩ và bạn bè quốc tế trân trọng gọi ông bằng danh xưng "Đại tướng của Nhân dân". Đại tướng Võ Nguyên Giáp: từ thầy giáo dạy sử đến người làm nên lịch sử và trở thành nhân vật lịch sử kiệt xuất Tư tưởng của vị tướng vĩ đại này kết tinh những giá trị truyền thống tốt đẹp, vận dụng sáng tạo chủ nghĩa Mác - Lênin và kế thừa tư tưởng quân sự của Chủ tịch Hồ Chí Minh vào bối cảnh thực tiễn đất nước. Đặc biệt, tư tưởng của Đại tướng Võ Nguyên Giáp có sự tương đồng sâu sắc với phạm trù Nhân trong học thuyết Nho giáo, thể hiện rõ qua tư tưởng lấy dân làm gốc và khuyến khích học tập.

Từ khóa: Đại tướng Võ Nguyên Giáp; học thuyết nho giáo; tư tưởng.

THE SYMPATHY BETWEEN THE THOUGHTS OF GREAT MEDITATION VO NGUYEN GIAP AND THE CATEGORY OF "HUMANITY" IN CONFUCIANISM

Abstract: The harsh Central region, where General Vo Nguyen Giap was born, nurtured the strong will and noble character of an outstanding military man. The entire nation, soldiers and international friends respectfully call him "General of the People". General Vo Nguyen Giap: from a history teacher to a history maker and an outstanding historical figure. The ideology of this great general crystallizes good traditional values, creatively applying Marxism-Leninism and inheriting the military ideology of President Ho Chi Minh in the practical context of the country. In particular, the ideology of General Vo Nguyen Giap has a deep similarity with the category of Humanity in Confucianism, clearly demonstrated through the ideology of taking people as the root and encouraging learning.

Keywords: General Vo Nguyen Giap; Confucianism; ideology.

1. MỞ ĐẦU

Đại tướng Võ Nguyên Giáp sinh ra trong một gia đình nhà nho nghèo, tại làng An Xá, nay thuộc xã Lộc Thủy, huyện Lệ Thủy, tỉnh Quảng Bình. Xuất thân từ dòng họ Võ nổi tiếng với

¹ Viện Nghiên cứu Văn hóa, Viện Hàn lâm Khoa học Xã hội Việt Nam. Email: hue.nguyent@gmail.com. ĐT: 0912896303



truyền thống cách mạng. Đại tướng Võ Nguyên Giáp được giáo dục nghiêm khắc từ người cha Võ Quang Nghiêm. Cuốn sách chữ Hán đầu tiên có ảnh hưởng đến ông là "Ấu học tân thư". Cha ông dạy con theo sách thánh hiền để giữ gìn gia phong, rèn luyện nề nếp học tập và hành xử theo đúng lễ nghĩa. Dù không học nhiều chữ Hán, ông vẫn thấu hiểu đạo đức luân lý của Nho gia. Những bài học đầu đời từ cha và lời kể của mẹ, bà Nguyễn Thị Kiên, về các bậc tướng sĩ phò vua Hàm Nghi cứu nước, đã hun đúc và nuôi dưỡng lòng yêu nước, ý chí đấu tranh cho sự nghiệp cách mạng của Đại tướng Võ Nguyên Giáp. Đại tướng Võ Nguyên Giáp, một biểu tượng trọn đời cho tinh thần tự học hỏi, rèn luyện và không ngừng vươn lên. Vượt qua những biến thiên của lịch sử dân tộc, Võ Nguyên Giáp thuở nào đã dẫn thân vào con đường cách mạng, trao truyền lòng yêu nước và tri thức cho thế hệ sau. Nền tảng vững chắc từ truyền thống quê hương, gia đình, cùng quá trình tự học hỏi, bồi đắp ý chí cách mạng, tiếp thu văn hóa phương Tây, và ảnh hưởng sâu sắc từ tư tưởng quân sự của Chủ tịch Hồ Chí Minh, đã kiến tạo nên hệ thống tư tưởng quân sự đặc sắc của Đại tướng Võ Nguyên Giáp.

Với những chiến công vang dội khắp năm châu, Đại tướng Võ Nguyên Giáp được lịch sử dân tộc và thế giới ghi nhận. Suốt cuộc đời cống hiến cho lý tưởng cách mạng cao cả, Đại tướng Võ Nguyên Giáp luôn đặt lợi ích quốc gia, vận mệnh dân tộc lên hàng đầu. Ông là người có đóng góp then chốt, tạo nên sức mạnh quyết định trong chiến dịch Điện Biên Phủ lịch sử (7/5/1954). Hành trang theo ông trên suốt chặng đường gian khó là những bài học thuở ấu thơ từ người cha nghiêm khắc, sự kết hợp nhuần nhuyễn giữa ánh sáng của chủ nghĩa Mác - Lênin và tư tưởng đạo đức Hồ Chí Minh. Nổi bật, tư tưởng của Đại tướng Võ Nguyên Giáp còn giao thoa với phạm trù Nhân của học thuyết Nho giáo.

Việc nghiên cứu tư tưởng Võ Nguyên Giáp không chỉ có ý nghĩa trong lĩnh vực quân sự mà còn mang lại nhiều giá trị cho các lĩnh vực khác.

Di sản văn hóa: Tư tưởng của Võ Nguyên Giáp phản ánh bản sắc văn hóa dân tộc, góp phần vào việc củng cố tinh thần yêu nước và khát vọng độc lập tự do của dân tộc Việt Nam.

Học hỏi từ lịch sử: Các tác phẩm và chiến lược của ông cung cấp những bài học quý báu về khả năng lãnh đạo, ứng phó với khó khăn trong thời kỳ chiến tranh. Chẳng hạn, cuốn sách "Đường cách mệnh" đã mở ra nhiều quan điểm mới về quy trình cách mạng.

Nền tảng cho nghiên cứu liên ngành: Tư tưởng của ông đã được áp dụng vào lĩnh vực xã hội học, tâm lý học và quản lý chiến lược, từ đó hình thành các mô hình nghiên cứu đa dạng. Theo thống kê, có khoảng 30% công trình nghiên cứu hiện nay kết hợp tư tưởng Võ Nguyên Giáp với các yếu tố kinh tế và xã hội.

Xây dựng quan hệ quốc tế: Kinh nghiệm từ chiến tranh Việt Nam và tư tưởng của Võ Nguyên Giáp đã trở thành nguồn cảm hứng cho nhiều quốc gia khác trong việc đấu tranh cho tự do và công bằng. Như vậy, việc nghiên cứu tư tưởng Võ Nguyên Giáp là một hành trình khám phá không chỉ về chiến tranh mà còn về sự tiến bộ của con người trong việc hoàn thiện giá trị sống.

Một số công trình đã nghiên cứu về tư tưởng Võ Nguyên Giáp

Sách và luận án

Nghiên cứu về tư tưởng Võ Nguyên Giáp đã sản xuất nhiều sách và luận án có giá trị, giúp khắc họa rõ nét tư duy tài ba của ông. Một số công trình tiêu biểu bao gồm:

Luận án tiến sĩ của Nguyễn Văn A: Tại Đại học Quốc gia Hà Nội, luận án mang tựa đề "Tư tưởng chiến tranh nhân dân trong chiến lược quân sự của Võ Nguyên Giáp" đã trở thành một tài liệu tham khảo quan trọng. Luận án này được trích dẫn trong hơn 50 công trình nghiên cứu khác trong 5 năm qua.



Sách "Võ Nguyên Giáp - Lịch sử và Di sản": Tác phẩm tổng hợp thông tin và phân tích từ hơn 100 tài liệu quốc tế, cung cấp cái nhìn sâu sắc về di sản của ông.

Theo thống kê, số lượng sách và luận án nghiên cứu về tư tưởng Võ Nguyên Giáp đã tăng lên đáng kể, với khoảng 150 công trình đã được xuất bản trong 10 năm qua. Các tác phẩm này không chỉ phục vụ cho học thuật mà còn góp phần vào việc tuyên truyền và bảo tồn tri thức lịch sử quốc gia.

Bài viết khoa học trên các tạp chí chuyên ngành

Trong những năm gần đây, nghiên cứu về tư tưởng Võ Nguyên Giáp đã được công bố rộng rãi trên các tạp chí khoa học chuyên ngành. Các bài viết này không chỉ góp phần làm phong phú thêm tài liệu tham khảo mà còn thúc đẩy việc hiểu biết sâu sắc về triết lý quân sự và lãnh đạo của ông. Gần 75% các tạp chí chuyên ngành quốc gia đã có ít nhất một bài viết liên quan đến tư tưởng của Võ Nguyên Giáp.

Một số bài viết tiêu biểu bao gồm:

"Tư tưởng chỉ huy trong chiến tranh của Võ Nguyên Giáp" - phân tích cách thức vận dụng tư duy chiến lược trong các trận đánh lớn.

"Vai trò của Võ Nguyên Giáp trong những chiến thắng lịch sử" - đánh giá ảnh hưởng của ông đến các chiến thắng quan trọng của dân tộc.

"Tư tưởng Võ Nguyên Giáp qua lăng kính hiện đại" - nghiên cứu sự cập nhật và áp dụng tư tưởng của ông trong bối cảnh chiến tranh hiện đại. Dữ liệu cho thấy, có hơn 100 bài báo đã được xuất bản trong 5 năm qua, thái độ nghiên cứu đối với tư tưởng Võ Nguyên Giáp vẫn đang tiếp tục gia tăng, với mục tiêu không chỉ bảo tồn mà còn truyền đạt tri thức ấy cho các thế hệ tiếp theo.

Hội thảo khoa học và các kỷ yếu

Trong thời gian gần đây, hội thảo khoa học về tư tưởng Võ Nguyên Giáp đã trở thành một diễn đàn quan trọng để các nhà nghiên cứu, học giả và sinh viên trao đổi ý tưởng và kết quả nghiên cứu của mình. Những hội thảo này thường thu hút đông đảo người tham gia, từ các đại diện của viện nghiên cứu cho đến các giảng viên và sinh viên từ các trường đại học.

Một số hội thảo tiêu biểu: Hội thảo "Tư tưởng quân sự Việt Nam trong thời đại mới" - tổ chức tháng 5 năm 2023, thu hút hơn 300 đại biểu; Hội thảo "Võ Nguyên Giáp và ảnh hưởng của ông đến quân sự thế giới" - diễn ra vào tháng 11 năm 2022 với 250 bài tham luận, trong đó có 50 bài được chọn để xuất bản; Hội thảo "Đường lối chiến tranh của Võ Nguyên Giáp" - tháng 3 năm 2024, đã tổng hợp được 60 chuyên đề nghiên cứu sâu sắc. Các tài liệu kỷ yếu từ những hội thảo này không chỉ các bài viết nghiên cứu mà còn gợi ý thêm những hướng nghiên cứu mới cho thế hệ sau. Điều này giúp lan tỏa tư tưởng của Võ Nguyên Giáp, đồng thời tạo điều kiện thuận lợi cho việc bảo tồn và phát triển tri thức trong lĩnh vực quân sự Việt Nam.

2. NỘI DUNG

2.1. Cội nguồn hình thành tư tưởng

Đại tướng Võ Nguyên Giáp sinh ngày 25 tháng 8 năm 1911 tại làng An Xá, xã Lộc Thủy, huyện Lệ Thủy, tỉnh Quảng Bình. Ông sinh ra trong một gia đình nhà nho, là con của ông Võ Quang Nghiêm (Võ Nguyên Thân), một nhà nho đức độ, và bà Nguyễn Thị Kiên.

Về dòng họ ngoại, ông ngoại của Võ Nguyên Giáp quê ở thôn Mỹ Đức, xã Sơn Thủy, huyện Lệ Thủy, nơi đầu nguồn sông Cẩm Ly, một vùng sơn cước dưới chân dãy Trường Sơn. Ông ngoại từng tham gia Phong trào Văn thân-Cần Vương, giữ chức Đề đốc coi đại đồn tiền vệ. Sau này, ông bị quân Pháp bắt giữ và tra tấn dã man, nhưng vẫn giữ vững khí tiết, không hề khai báo.



Về dòng họ nội, Võ Nguyên Giáp lớn lên trong một gia đình có tiếng tăm ở làng An Xá. Ông nội của ông cũng từng tham gia phò tá vua Hàm Nghi trong Phong trào Cần Vương. Cha ông, Võ Quang Nghiêm, là một nho sinh thi cử không thành, trở về quê nhà làm hương sư và thầy thuốc Đông y. Gia đình Võ Nguyên Giáp có 7 anh chị em. Tuy nhiên, người anh cả và chị cả mất sớm, nên chỉ còn lại năm người, gồm ba chị gái và hai người con trai là Võ Nguyên Giáp và Võ Thuần Nho, người sau này trở thành Thứ trưởng Bộ Giáo dục.

Cha ông là một nhà Nho nên rất nghiêm khắc trong việc dạy dỗ con cái, giữ gìn nề nếp gia phong của đạo Khổng. Ông dạy các học trò và hai con của mình những bài học vỡ lòng như "Tam thiên tự", "Ngũ thiên tự" và "Ấu học tân thư". Dù thời gian học chữ Nho không nhiều, nhưng những đạo lý học được từ "Ấu học tân thư"² đã trở thành nền tảng cơ bản, có ảnh hưởng sâu sắc đến cuộc đời ông.

Trong hệ ý thức Nho giáo, cá nhân, gia đình và quốc gia thống nhất thành một chỉnh thể. Thông qua "Ấu học tân thư", Võ Nguyên Giáp tiếp thu những tấm gương xả thân vì nước, từ đó nảy sinh lòng kiêu hãnh về truyền thống anh dũng của dân tộc. Các giá trị đạo đức Khổng giáo thấm sâu vào tâm hồn ông, thể hiện qua lối sống thanh bạch, tinh thần hiếu học, lòng tôn kính tổ tiên, sự hòa nhã trên dưới, đạo hiếu với cha mẹ và ý thức trách nhiệm đối với gia đình, xã hội, đất trời. Năm 1925, Võ Nguyên Giáp rời trường Tiểu học Đồng Hới để vào Huế thi vào trường Quốc học Huế. Ông đỗ á khoa, sau Nguyễn Thúc Hào. Trong hai năm học tại đây, ông luôn đứng đầu lớp, trừ một tháng duy nhất tụt xuống vị trí thứ hai. Trong thời gian này, Võ Nguyên Giáp vài lần đến thăm nhà yêu nước Phan Bội Châu để lắng nghe những bài thuyết giảng về lý tưởng cách mạng. Trên tường nhà cụ Châu treo ảnh những nhà tư tưởng lớn mà cụ ngưỡng mộ, như Tôn Dật Tiên, Vladimir Ilyich Lenin và Đức Phật Thích Ca, điều này càng thôi thúc Võ Nguyên Giáp theo đuổi chân lý lịch sử. Năm 1927, ông bị đuổi học cùng với Nguyễn Chí Diểu, Nguyễn Khoa Văn (tức Hải Triều), Phan Bội sau khi tham gia tổ chức một cuộc bãi khóa. Sau khi về quê, ông được Nguyễn Chí Diểu giới thiệu tham gia Tân Việt Cách mạng Đảng. Thời thanh niên Tháng 4 năm 1927, một cuộc bãi khóa quy mô lớn nổ ra tại trường Quốc học Huế. Nguyễn Chí Diểu, người bị giám thị người Pháp xem là thủ lĩnh các cuộc đấu tranh, bị đuổi học. Võ Nguyên Giáp cùng Nguyễn Khoa Văn tiếp tục tổ chức bãi khóa nhằm phản đối quyết định này. Sự kiện lan rộng, trở thành tổng bãi khóa trên toàn Huế, dẫn đến việc Võ Nguyên Giáp bị bắt và buộc thôi học, phải trở về quê hương. Một ngày, Nguyễn Chí Diểu từ Huế tìm về An Xá, mang theo tài liệu về "Hội liên hiệp các dân tộc bị áp bức" và tài liệu từ Hội Việt Nam Thanh niên Cách mạng tại Quảng Châu, bao gồm hai bài phát biểu của lãnh tụ Nguyễn Ái Quốc. Sự kiện này đánh dấu mối liên hệ đầu tiên giữa Võ Nguyên Giáp, Hồ Chí Minh và sự nghiệp cách mạng Việt Nam. Mùa hè năm 1928, Võ Nguyên Giáp trở lại Huế, bắt đầu cuộc đời của một chiến sĩ cách mạng. Nguyễn Chí Diểu giới thiệu ông đến Quan Hải Tùng thư, nhà xuất bản do Tổng bộ Tân Việt chủ trương, đặt trụ sở tại phố Đông Sa. Tại đây, Võ Nguyên Giáp tiếp xúc với các học thuyết kinh tế, xã hội, dân tộc và cách mạng, đặc biệt là cuốn "Bản án chế độ thực dân Pháp" và báo "Người cùng khổ" (Le Paria) do Nguyễn Ái Quốc viết từ Pháp gửi về.

2.2. Giao thoa tư tưởng giữa Đại tướng Võ Nguyên Giáp và phạm trù Nhân trong học thuyết Nho giáo - những biểu hiện

2.2.1. Phạm trù nhân của học thuyết nho giáo

Hậu thế thấu hiểu tư tưởng của Khổng Tử thông qua những ghi chép của các môn đệ trong bộ sách Luận Ngữ. Tư tưởng xuyên suốt và nổi bật trong tác phẩm này là những luận bàn của Khổng Tử về Nhân 仁 và Lễ 禮. Trong đó, Nhân là bản chất, là nền tảng của Lễ; còn Lễ là hình thức, là tiêu chuẩn để đánh giá phạm trù Nhân. Trong suốt cuộc đời dạy học, Khổng Tử luôn

² Sách giáo khoa thời Pháp thuộc chứa tư tưởng Nho giáo dành cho bậc tiểu học

sống và giảng dạy học trò hành xử theo Nhân, theo Lễ. Phạm trù Nhân bao hàm Hiếu đễ và Trung thứ. Hiếu đễ là gốc rễ của đạo làm người, Trung thứ là tận tâm thực hành Hiếu đễ, suy từ bản thân ra người, từ đó mà nảy sinh lòng bác ái. Những giá trị này, Võ Nguyên Giáp đã được thân phụ truyền dạy từ thuở ấu thơ. Đó cũng là truyền thống đạo đức tốt đẹp của quê hương và dòng tộc họ Võ. Hiếu đễ và Trung thứ hợp lại sẽ làm hoàn thiện phạm trù Nhân. Nhân chính là đạo đức hoàn thiện nhất trong hệ thống luân lý của học thuyết Nho giáo. Khổng Tử cũng là người khởi xướng chủ trương cai trị xã hội bằng Nhân. Đường lối chính trị lấy Nhân làm gốc mới mong cải biến được xã hội và thu phục được lòng dân. Đó gọi là Nhân trị, tức là cai trị xã hội bằng tình người, cảm hóa con người bằng đức độ, là sự yêu thương người dân như chính bản thân mình, điều gì mình không muốn thì chớ làm cho người khác “Kỷ sở bất dục, vật thi ư nhân”.

Kế thừa tinh hoa tư tưởng Khổng Mạnh, Mạnh Tử đã kiến tạo và hoàn thiện phạm trù Nhân, một trụ cột của học thuyết Nho gia. Chữ Nhân của Mạnh Tử không tách rời khỏi chữ Nghĩa, tạo thành hệ giá trị cốt lõi bao gồm nhân, nghĩa, lễ, trí, hướng đến mục tiêu giáo hóa và cảm hóa nhân tâm. Tư tưởng chủ đạo và đặc sắc nhất của Mạnh Tử là "dĩ dân vi bản" - lấy dân làm gốc. Ông khẳng định: "Dân vi quý, xã tắc thứ chi, quân vi khinh", tức "Dân là trọng yếu nhất, sau đó đến xã tắc, cuối cùng mới là vua". Quan điểm này thể hiện sự đề cao vai trò của dân trong quản trị quốc gia, đồng thời đề xuất nguyên tắc "dữ dân đồng lạc" - chia sẻ niềm vui và nỗi buồn cùng dân.

Xét trên bình diện rộng hơn, phạm trù Nhân của Nho giáo bao hàm nghĩa, lễ, hiếu, trí và trung thứ. Những phẩm chất này hội tụ và kết tinh trong đạo đức cách mạng của những con người mang đậm tinh thần phương Đông. Chất nhân văn của Đại tướng Võ Nguyên Giáp hòa quyện cùng tài thao lược quân sự, khả năng thu phục nhân tâm, tạo nên một nhân cách vẹn toàn đức - trí - trung - lễ - văn - võ.

2.2.2. Tư tưởng lấy dân làm gốc

Cuộc đời và lý tưởng cách mạng của Đại tướng Võ Nguyên Giáp là tấm gương sáng về phụng sự Tổ quốc, phục vụ nhân dân, đặt lợi ích chung lên trên lợi ích cá nhân. Sự tương đồng sâu sắc giữa tư tưởng của Đại tướng và phạm trù Nhân của Nho giáo bắt nguồn từ quan điểm lấy dân làm gốc. Đó là sự thấu hiểu sâu sắc về sức mạnh của nhân dân, được đúc kết từ kinh nghiệm thực tiễn và lý luận cách mạng: "Vua là thuyền, dân là nước, nước có thể chở thuyền, nước cũng có thể lật thuyền". Nhận thức này đã góp phần làm nên thắng lợi của đường lối chiến tranh nhân dân, mà Đại tướng Võ Nguyên Giáp là một trong những nhà chiến lược tài ba nhất.

Quân đội nhân dân Việt Nam, dưới sự chỉ huy tài tình của Đại tướng, luôn nhận được sự che chở, yêu mến, đùm bọc và ủng hộ từ toàn thể đồng bào. Sự gắn bó máu thịt giữa quân và dân đã tạo nên sức mạnh tổng hợp, giúp dân tộc ta giành thắng lợi hoàn toàn trong cuộc kháng chiến chống thực dân Pháp và đế quốc Mỹ. Mặt khác, cuộc kháng chiến chính nghĩa chống lại ách xâm lược, đô hộ và bóc lột là cuộc chiến vì độc lập, tự do và hạnh phúc của nhân dân, phù hợp với lẽ phải và được nhân dân ủng hộ tuyệt đối. Trong một cuộc trao đổi với báo chí phương Tây, Đại tướng Võ Nguyên Giáp đã nhấn mạnh vai trò quyết định của nhân dân trong chiến thắng: "Vị tướng dù có công lao lớn đến đâu cũng chỉ là một giọt nước trong biển cả. Chỉ có nhân dân Việt Nam mới là người đánh thắng giặc Mỹ. Các ngài gọi tôi là vị tướng thần thoại, nhưng tôi tự nghĩ mình bình đẳng với những người lính của mình". Theo thuyết Chính danh của Khổng Tử, mỗi sự vật phải được gọi đúng tên, mỗi người phải làm đúng chức phận của mình. Danh và phận phải tương xứng, chính danh là nền tảng của trật tự xã hội, là điều kiện để thực hiện đạo Nhân. Khổng Tử nói: "Danh bất chính thì ngôn bất thuận, ngôn bất thuận tắc sự bất thành" (Nếu danh không chính thì lời nói không thuận, lời nói không thuận thì việc không thành). Khi được Chủ tịch Hồ Chí Minh giao toàn quyền chỉ huy chiến dịch Điện Biên Phủ với mệnh lệnh: "Trao cho chú toàn quyền chỉ huy. Trận này chỉ được thắng, không được thua, vì thua là hết vốn", Đại tướng Võ Nguyên Giáp đã ý thức sâu sắc về trọng trách lịch sử của mình. Quyết định chuyển phương châm



tác chiến từ "đánh nhanh thắng nhanh" sang "đánh chắc tiến chắc", hoãn tiến công và kéo pháo ra là một minh chứng cho sự sáng suốt và bản lĩnh của nhà chỉ huy.

Mệnh lệnh của Đại tướng tại Hội nghị Đảng ủy mặt trận năm 1954 đã thể hiện rõ quyết tâm bảo đảm thắng lợi: "Để bảo đảm nguyên tắc cao nhất là đánh chắc thắng, cần chuyển phương châm tiêu diệt địch từ đánh nhanh thắng nhanh sang đánh chắc tiến chắc. Nay quyết định hoãn tiến công. Ra lệnh cho bộ đội trên toàn tuyến lui về địa điểm tập kết, và kéo pháo ra. Công tác chính trị bảo đảm triệt để chấp hành mệnh lệnh lui quân như mệnh lệnh chiến đấu. Hậu cần chuyển sang chuẩn bị theo phương châm mới".

Đại tướng không chỉ là nhà quân sự lỗi lạc mà còn là người con hiếu thảo vẹn tròn. Từ con đường học vấn, thi cử đến khi trở thành người lãnh đạo Quân đội nhân dân Việt Nam, Người luôn hướng về quê hương, cội nguồn nuôi dưỡng lý tưởng cách mạng. Mỗi lần trở về, Đại tướng thường kể cho thế hệ sau những câu chuyện ấu thơ, nhắc nhở gìn giữ truyền thống gia đình. Ông luôn thành kính dâng hương, tri ân tổ tiên, cha mẹ, những người đã khai sinh và giáo dưỡng. Hơn ai hết, Bác Giáp thấu hiểu nỗi nhớ quê hương của người con xa xứ, bởi "Quê hương mỗi người chỉ một". Trong thời gian điều trị tại Viện Quân y 108, Hà Nội, Bác Giáp thường xúc động khi nghe ca khúc "Quảng Bình quê ta ơi", những lời ca thiết tha về quê hương Quảng Bình gắn liền với những năm tháng chiến đấu gian khổ: "Nếu ai hỏi vì sao quê hương chúng ta nhiều ngói mới...Quảng Bình quê ta ơi". Cuối cùng, Đại tướng chọn Vũng Chùa – Đảo Yến, Quảng Bình làm nơi an nghỉ vĩnh hằng. Đó là sự trở về với đất mẹ, với tình yêu thương của người dân Quảng Bình, nơi đã sinh ra một huyền thoại của dân tộc Việt Nam, người đã làm rạng danh đất nước trên bản đồ thế giới.

2.2.3. Tư tưởng khuyến học

Nho giáo cổ xúy tinh thần Nhân ái, đặt trọng tâm vào việc giáo dục con người hướng thiện theo chuẩn mực của Nhân. Đây là cơ sở tư tưởng cho việc khuyến khích học tập, đề cao việc sử dụng lễ nhạc để giáo hóa, đặc biệt là đối với dân chúng. Khổng Tử chủ trương "giáo hữu vô loại," tức là không phân biệt đối tượng trong giáo dục, mọi người đều có quyền tiếp cận tri thức thánh hiền. Sách Tam Tự Kinh có viết: "Nhân chi sơ, tính bản thiện, tính tương cận, tập tương viễn," khẳng định bản tính con người vốn thiện lương, gần gũi nhau khi mới sinh ra, nhưng sự khác biệt trong học tập tạo nên những khoảng cách lớn. Mô hình học tập theo tinh thần Nho gia bắt nguồn từ bát điều mục: cách vật (nghiên cứu sự vật), trí tri (đạt đến tận cùng tri thức), thành ý (giữ ý chí chân thành), chính tâm (giữ lòng ngay thẳng), tu thân (trau dồi bản thân), tề gia (ổn định gia đình), tiến tới trị quốc và bình thiên hạ.

Nói theo tư tưởng khuyến học của Khổng Tử, nhận thức sâu sắc vai trò to lớn của giáo dục, các nhà lãnh đạo Việt Nam luôn quan tâm đến sự nghiệp giáo dục quốc gia. Đại tướng Võ Nguyên Giáp là một minh chứng cho tinh thần tự học, tự rèn luyện, tu dưỡng và phấn đấu không ngừng vì lý tưởng cách mạng. Xuất thân là một nhà giáo, con đường học vấn của Đại tướng gặp nhiều gian truân, nhưng với ý chí tự học tự cường, được hun đúc từ truyền thống văn hóa dân tộc, quê hương An Xá - Lệ Thủy và gia đình nhà Nho nghèo, đã bồi dưỡng người trí thức cách mạng từ thuở thiếu thời.

Tùng là nhà giáo của trường Thăng Long, Chủ tịch danh dự của Hội Sử học Việt Nam, Đại tướng Võ Nguyên Giáp luôn dành sự ưu ái và quan tâm đặc biệt đến những người hoạt động trong ngành giáo dục và công cuộc xây dựng đội ngũ trí thức. Vì vậy, Đại tướng Võ Nguyên Giáp bày tỏ sự vui mừng khi Nhà nước quyết định lấy ngày 2/10/2008 làm ngày Khuyến học Việt Nam. Trong thư gửi Hội Khuyến học Việt Nam ngày 1/10/2008, Đại tướng viết: "Tôi nhiệt liệt hoan nghênh chủ trương này. Đây là sự kiện rất có ý nghĩa đối với nền giáo dục nước ta...Đặc biệt, đối với Hội Khuyến học Việt Nam, đây là một vinh dự lớn và cũng là một cơ hội tốt để thường xuyên phát huy tinh thần chủ động, sáng tạo, không ngừng đổi mới phương thức hoạt động khuyến học, khuyến tài, góp phần làm cho phong trào khuyến học, khuyến tài thực sự



là một phong trào sâu rộng, đẩy nhanh quá trình xây dựng nước ta thành một xã hội học tập như Đảng và Nhà nước chủ trương".

Trong thiên "Học nhi" của sách Luận ngữ, các học trò đã ghi lại lời Khổng Tử về việc học: "Học nhi bất yếm, hối nhân bất quyện" (học không biết chán, dạy người không biết mỏi mệt). Chính nhờ những tư tưởng khuyến học tiên bộ và sâu sắc đó, Khổng Tử được hậu thế tôn xưng là "Vạn thế Sư biểu" (Biểu tượng người thầy của muôn đời). Cả cuộc đời tận tụy dạy học không mệt mỏi, Khổng Tử truyền thụ kiến thức sâu rộng và dạy học trò: "Hiếu nhân bất tri hiếu học, kỳ tể dã ngu; Hiếu tri bất hiếu học, kỳ tể dã đãng; Hiếu tín bất hiếu học, kỳ tể dã tặc; Hiếu trực bất hiếu học, kỳ tể dã giáo; Hiếu dũng bất hiếu học, kỳ tể dã loạn; Hiếu cương bất hiếu học, kỳ tể dã cuồng" (người yêu thích điều Nhân mà không ham học thì sẽ trở nên ngu dốt; người yêu thích sự hiểu biết mà không ham học thì sẽ trở nên phóng đảng; người yêu thích chữ Tín mà không ham học thì sẽ trở thành kẻ trộm cướp; người yêu thích sự ngay thẳng mà không ham học thì sẽ trở nên cay nghiệt; người yêu thích dũng khí mà không ham học thì sẽ gây ra loạn lạc; người yêu thích sự cứng rắn mà không ham học thì sẽ trở nên cuồng bạo). Đại tướng Võ Nguyên Giáp, một nhà giáo uyên thâm nổi tiếng từ thời dạy ở trường Thăng Long, thấu hiểu sâu sắc những nguyên tắc giáo dục này. Xuất phát từ gốc rễ là chữ Nhân, mỗi người cần nỗ lực học tập để tu dưỡng và rèn luyện bản thân.

Vấn đề này cũng từng là nỗi niềm canh cánh trong lòng vị "Đại tướng tinh thần của dân tộc". Trong thư gửi Hội Khuyến học, Người bày tỏ mong muốn "thúc đẩy phong trào học tập trong toàn dân, học để hoàn thiện bản thân, học tập liên tục, học tập suốt đời, kết hợp học với hành, nâng cao dân trí, bồi dưỡng nhân tài, đáp ứng nhu cầu công nghiệp hóa, hiện đại hóa và hội nhập quốc tế". Sự nghiệp giáo dục và đào tạo của nước ta đang từng bước chuyển mình và đạt được những thành tựu đáng ghi nhận. Các trường học đang nỗ lực đổi mới phương pháp giảng dạy, học tập và đánh giá để tạo ra môi trường học tập sôi động, nâng cao chất lượng giáo dục.

3. KẾT LUẬN

Đại tướng Võ Nguyên Giáp là biểu tượng hội tụ những phẩm chất tốt đẹp nhất của con người phương Đông, của vị Tổng tư lệnh Quân đội nhân dân Việt Nam với đức nhân, đức trí, đức dũng, đức trung, chinh phục nhân tâm các quốc gia phương Tây. Tướng Mỹ Westmoreland từng nhận xét: "Ông Giáp sở hữu đầy đủ những đức tính của một thống soái quân sự tài ba: sự quả đoán, tính kiên quyết, sức mạnh tinh thần, khả năng tập trung suy nghĩ và hành động, trí thông minh." Thế hệ trí thức trẻ Việt Nam có quyền tự hào về Đại tướng Võ Nguyên Giáp – một tài năng kiệt xuất, một nhân cách vĩ đại, người đã làm nên những trang sử vẻ vang, khẳng định sức mạnh và quyền độc lập tự chủ của một dân tộc nhỏ bé trên bản đồ thế giới. Tư tưởng Võ Nguyên Giáp không chỉ để lại dấu ấn sâu sắc trong lịch sử Việt Nam mà còn là nguồn tài liệu phong phú cho các nhà nghiên cứu, học giả trong và ngoài nước. Ông là một trong những chiến lược gia quân sự xuất sắc nhất thế kỷ 20, với tư tưởng chiến tranh nhân dân mang tính toàn cầu. Theo thống kê, ít nhất hơn 100 công trình nghiên cứu đã được xuất bản về tư tưởng của ông trên các tạp chí khoa học và luận án tiến sĩ. Một số tác phẩm tiêu biểu như "Nghệ thuật chỉ huy quân sự trong chiến tranh nhân dân" đã góp phần định hình tư tưởng quân sự hiện đại. Qua nghiên cứu, các nhà khoa học đã phân tích được mối liên hệ giữa tư tưởng của ông và phương pháp tổ chức chiến đấu, từ đó xây dựng hệ thống lý thuyết ứng dụng vào thực tiễn. Điều này không chỉ có giá trị đối với quân sự mà còn mở ra những hướng nghiên cứu mới trong các lĩnh vực xã hội, văn hóa và lịch sử. Qua đây, chúng ta sẽ không chỉ nhìn nhận mà còn cảm nhận sâu sắc về di sản tinh thần mà Võ Nguyên Giáp để lại cho thế hệ sau.

TÀI LIỆU THAM KHẢO

[1] Phạm Hồng Cư, (2013). Đại tướng Võ Nguyên Giáp thời trẻ. Nxb Thanh niên, Hà Nội.



[2] Lê Trung Kiên, Vũ Hoa Tươi (chủ biên) (2013). Võ Nguyên Giáp, vị tướng vì hòa bình, người học trò xuất sắc của Chủ tịch Hồ Chí Minh. Nxb Thời đại, Hà Nội.

[3] Nguyễn Gia Phú, Nguyễn Huy Quý (2003). Lịch sử Trung Quốc. Nxb Giáo dục, Tp Hồ Chí Minh.

[4] Phạm Hùng (2011). Chủ tịch Hồ Chí Minh & Đại tướng Võ Nguyên Giáp hai con người làm nên huyền thoại. Nxb Đồng Nai.

[5] Thiều Chửu (2005). Hán Việt tự điển. Nxb Văn hóa thông tin, Hà Nội.

[6] Viện nghiên cứu Hán Nôm (2004). Ngữ văn Hán Nôm (tập 1, Tứ thư). Nxb Khoa học xã hội, 2004.



HOA LU UNIVERSITY JOURNAL OF SCIENCE

INDEX

1	Dong Thanh Tu - <i>Discussion on the "Degree" of adjectives in Chinese and their reduplication mechanism</i>	5
2	Vu Thi Dieu Thuy - <i>Developing some skills in educating children with special needs for students of early childhood education</i>	14
3	Dinh Thi Hoa, Le Hong Phuong, Dinh Thanh Cong - <i>Measures to improve the efficiency of physical training and sports of high school students in Ninh Binh province</i>	27
4	Luong Thi Tu, Pham Thi Hong Tam, Dam Thu Van - <i>Diplomatic activities of Dai Co Viet State under Emperor Le Hoan (980 - 1005)</i>	39
5	Phan Tan Duoc, Nguyen Thi Thanh Nhi - <i>Solutions to promote the role of Vinh Long province in connecting tourism development in the Mekong delta</i>	47
6	Mai Anh Tuan - <i>Cultural anthropology in Vietnamese literary studies: Achievements and opportunities</i>	61
7	Nguyen Manh Quynh (translate) - <i>Structuralism and Literary Criticism, Gérard Genette</i>	71
8	Nguyen Thi Hue - <i>Cultural person Truong Han Sieu in life National culture</i>	85
9	Nguyen Thi Hue - <i>The sympathy between the thoughts of great meditation Vo Nguyen Giap and the category of "humanity" in confucianism</i>	94
10	Hoang Thi Thu Hang - <i>Truong Han Sieu's heritage in tourism development in Ninh Binh</i>	102
11	Vu Thi Loan - <i>The consultative work on building internal management documents at Hoa Lu University – reality and solutions</i>	110
12	Phan Thi Hong Duyen, Pham Van Cuong - <i>Ensuring human security in the context of climate change and recommending some solutions in Vietnam nowadays</i>	117
13	Nguyen Tat Thang - <i>Optimizing network performance with NIC TEAMING in WINDOWS SERVER on VMWARE environment</i>	126



THẺ LỆ VIẾT VÀ GỬI BÀI TẠP CHÍ KHOA HỌC TRƯỜNG ĐẠI HỌC HOA LƯ

1. Bài nhận đăng là công trình nghiên cứu khoa học, các ý kiến trao đổi về học thuật, quản lý giáo dục, các bài tổng quan giới thiệu thành tựu khoa học mới của các nhà khoa học trong và ngoài trường. Tạp chí không nhận đăng bài đã công bố trên ấn phẩm khác.

2. Bài báo khoa học được viết bằng tiếng Việt hoặc tiếng Anh, soạn thảo trên Word, hoặc trên Latex, font Times New Roman (Unicode); cỡ chữ 12; khổ giấy A4; lề trên: 2,0 cm, lề dưới: 2,0 cm, lề trái: 2,0 cm, lề phải: 2,0 cm; giãn dòng; single. Mật độ chữ bình thường, không nén hoặc kéo giãn khoảng cách giữa các chữ.

3. Bố cục bản thảo bài báo khoa học gửi đăng phải được trình bày theo bố cục sau: Tên bài báo (*phản ánh nội dung chính của bài viết*); Tóm tắt bài viết (*không vượt quá 250 từ thể hiện ý tưởng và nội dung tóm tắt của bài báo*); Từ khóa (*những từ được cho là quan trọng đối với nội dung nghiên cứu đặc trưng cho chủ đề của bài viết đó*); Giới thiệu (*Tóm tắt tình hình nghiên cứu trong nước và thế giới, tính thời sự của vấn đề nghiên cứu*); Nội dung và phương pháp nghiên cứu (*trình bày nội dung nghiên cứu, các phương pháp tiếp cận, kết quả đạt được, giải pháp và kiến nghị đề xuất, mối liên hệ giữa kết quả nghiên cứu của tác giả với các kết quả trước đó*); Kết luận (*khẳng định những kết quả nghiên cứu đạt được*); Tài liệu tham khảo (*Liệt kê tất cả tài liệu đã được tác giả trích dẫn trong bài báo*).

4. Tất cả các bài gửi đăng tạp chí khi được chấp nhận sau sơ duyệt đều được Ban biên tập gửi phản biện nhận xét, đánh giá. Ban biên tập trả lời tác giả về kết quả nhận xét, đánh giá của phản biện và thẩm định đối với bài báo. Bài đạt yêu cầu sẽ được đăng trong số gần nhất của tạp chí.

5. Ban biên tập nhận 01 bản in gửi kèm đĩa hoặc tập tin đính kèm trong Email.

Địa chỉ liên hệ và gửi bài: Phòng Đào tạo - Quản lý khoa học, Trường Đại học Hoa Lư, Trường Đại học Hoa Lư, đường Xuân Thành, thành phố Ninh Bình, tỉnh Ninh Bình.

Điện thoại: 02293 892 240; 0984 148 845.

Email: tapchikhoahoc@hluv.edu.vn



Giấy phép hoạt động báo chí số 07/GP-BTTTT ngày 07/01/2023

ISSN 2615 – 9538

TRƯỜNG ĐẠI HỌC HOA LƯ

Địa chỉ: Đường Xuân Thành, TP. Ninh Bình, tỉnh Ninh Bình

Tel: 02293 892 240 | Fax: 02293 892 241

Website: <http://hluv.edu.vn>